

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13-01-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M xét xử công khai vụ án thụ lý số 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh A; nơi cư trú: 12215-131 A Ave Edmonton-Alberta T5L 5A4 Canada; vắng mặt;
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Huệ B; nơi cư trú: Số 16/72 Nguyễn Công Trứ, phường Hàng Kênh, quận V, thành phố M; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), nguyên đơn Anh Nguyễn Thanh A trình bày:

Anh Nguyễn Thanh A và Chị Nguyễn Thị Huệ B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận V, thành phố M vào ngày 29 tháng 5 năm 2017. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau một thời gian tại Việt Nam, sau đó anh A trở về Canada sinh sống. Thời gian đầu, anh chị vẫn thư từ, điện thoại để liên hệ tình cảm với nhau. Nhưng sau mấy tháng thì anh chị ít liên lạc với

n nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị đã thống nhất ly hôn. Anh A cho rằng cuộc sống chung của hai vợ chồng cần phải có sự gắn bó để cùng xây dựng cuộc sống nhưng tình trạng hiện nay của anh chị không đạt được mục đích kết hôn ban đầu nên bản thân mỗi người cần phải có cuộc sống riêng. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh và Chị Nguyễn Thị Huệ B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và Chị Nguyễn Thị Huệ B không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn Chị Nguyễn Thị Huệ B trình bày như sau:

Chị trình bày thống nhất với anh A về việc anh chị kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Chị trình bày do khoảng cách về địa lý xa xôi, thời gian đầu anh chị vẫn thường xuyên liên lạc nhưng càng ngày càng ít dần, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị nhận thấy hôn nhân của vợ chồng chị không đạt được mục đích của việc kết hôn, anh chị không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn. Do vậy, Chị Nguyễn Thị Huệ B và Anh Nguyễn Thanh A đã thống nhất quyết định ly hôn với nhau. Nay anh A có đơn xin ly hôn với chị, chị hoàn toàn đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và Anh Nguyễn Thanh A không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và Anh Nguyễn Thanh A không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Nguyên đơn là Anh Nguyễn Thanh A hiện đang sinh sống tại Canada, bị đơn là Chị Nguyễn Thị Huệ B sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là Anh Nguyễn Thanh A và bị đơn là Chị Nguyễn Thị Huệ B vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố M tiến hành xét xử vắng mặt Anh Nguyễn Thanh A, Chị Nguyễn Thị Huệ B theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh A và Chị Nguyễn Thị Huệ B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận V, thành phố M vào ngày 29 tháng 5 năm 2017 là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ vào lời khai của anh A và chị B, nhận thấy tình cảm giữa hai anh chị không còn, vợ chồng không có sự gắn bó,

chia sẻ cùng xây dựng cuộc sống chung và đã ly thân trong một thời gian dài. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh A và chị B là tự nguyện, hai anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Nguyễn Thanh A và Chị Nguyễn Thị Huệ B.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh A và Chị Nguyễn Thị Huệ B khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh A và Chị Nguyễn Thị Huệ B khai không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh A và Chị Nguyễn Thị Huệ B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Thanh A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh A được ly hôn Chị Nguyễn Thị Huệ B.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thanh A và Chị Nguyễn Thị Huệ B khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh A và Chị Nguyễn Thị Huệ B khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thanh A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu

số 0000210 ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố M (do Chị Nguyễn Thị Huệ B nộp thay). Anh Nguyễn Thanh A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Thanh A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Chị Nguyễn Thị Huệ B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận V, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Đỗ Xuân Quyết Nguyễn Thị Mai
Vinh**

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đặng Hồ Điệp

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Nguyễn Thành Biên Vũ Thị Minh
 Nguyệt

Đặng Hồ Điệp